TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 3 năm 2025
V/v "Ly hôn có yếu tố nước ngoài".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Thức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Duyên và Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Phan Thị Hồng Hải - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2024/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2024, về việc *"Ly hôn có yếu tố nước ngoài".*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bàn Thị O, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở hiện nay: Số C, ngõ A đường T, phường T, quận Đ, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc). *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

Người Đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng của chị Bàn Thị O *:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1999 và anh Trần Mạnh C, sinh năm: 2003; Cùng địa chỉ: Số I T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt*.

- *Bị đơn*: Anh Lý Văn Đ, sinh năm 1980; Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở hiện nay: Số A, đường T, quận Đ, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc). (*Vắng mặt- đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bàn Thị O trình bày:

Chị và anh Lý Văn Đ qua quá trình tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, ngày 28/01/2002. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau tại Thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Vì tình hình kinh tế, hai vợ chồng có xuất cảnh qua Đài Loan (Trung Quốc) để sinh sống. Sau một thời gian ở bên Đài Loan (Trung Quốc) thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do khác nhau quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau; chị đã nhiều lần nói chuyện và tìm cách tháo gỡ vướng mắc nhưng mâu thuẫn vẫn không những không được giải quyết mà ngày càng lớn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng tôi không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy nên, chị Bàn Thị O làm đơn để Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết yêu cầu ly hôn với anh Lý Văn Đ nhưng anh Đ không hợp tác với chị để giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Lý Văn Đ có 02 (hai) con chung, cháu Lý Văn C1 sinh ngày 04/11/2001, Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; đối với cháu Lý Văn C1 hiện tại đã trưởng thành, việc cháu ở với ai là quyền của cháu; đối với cháu Lý Thị N, sinh ngày 27/12/2006, Hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 09/07/2024, cháu N chuyển đến Hà Nội để sinh sống và học tập, hiện cháu đang sinh sống tự lập tại Số B ngõ D phố L, phường C, quận N, thành phố Hà Nội. Thời điểm hiện tại cháu Lý Thị N đã sống tự lập và sinh sống học tập tại Hà Nội; đến ngày 27/12/2006, cháu Lý Thị N đủ 18 tuổi, do đó cháu muốn ở với ai là quyền của cháu; từ lúc cháu còn nhỏ đến hiện tại chị vẫn gửi tiền chu cấp cho các cháu đầy đủ, nay các cháu đã trưởng thành, chị tôn trọng quyết định của các con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị O đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang không xem xét, giải quyết vấn đề tài sản, công sức đóng góp trong vụ án này.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định:

Tại biên bản xác minh với Phó thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, ông Hoàng Văn N1 cung cấp thông tin như sau: Tại biên bản xác minh ngày 20/12/2024 với Phó thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, ông Hoàng Văn N1 cung cấp thông tin như sau: Khoảng năm 2018 anh Đ và chị O đi lao động tại Đài Loan làm ăn và sinh sống; về việc anh Đ và chị O có mâu thuẫn với nhau cụ thể như thế nào thì ông N1 không rõ, qua nghe thông tin thì được biết hiện anh Đ và chị O đã trục

trặc một thời gian và đã có ý định ly hôn nhưng do anh chị đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên chưa làm thủ tục ly hôn. Anh Đ và chị O đã sống ly thân và không có tiếng nói chung, không ai quan tâm và liên lạc với ai nữa. Về con chung, hiện nay anh Đ và chị O có hai người con chung là cháu Lý Văn C1 sinh năm 2001 và cháu Lý Thị N sinh năm 2006. Hai cháu đều đã trưởng thành, cháu C1 hiện đang đi làm lao động tự do ở tỉnh Hà Giang còn cháu N hiện đang học dưới Hà Nội. Về tài sản chung và nợ chung của anh Đ và chị O ông N1 không nắm được.

Tại biên bản xác minh với anh Lý Văn N2 (anh trai ruột của anh Lý Văn Đ), sinh năm 1972, địa chỉ: thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, anh N2 cung cấp thông tin như sau: Do anh Đ hiện đang lao động ở nước ngoài nên sau khi anh N2 nhận được thông báo thụ lý của Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị Bàn Thị O và anh Lý Văn Đ. Anh đã thông báo cho anh Lý Văn Đ biết và nắm được nội dung và anh Đ có trao đổi lại thông tin như sau: anh Đ và chị O có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã K. Hiện nay cả hai đều đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng khác địa điểm. Sau khi anh Đ biết được thông tin chị O có đơn đề nghị ly hôn, hiện tại anh không nhất trí ly hôn tại thời điểm này và đề nghị lúc nào về Việt Nam mới giải quyết ly hôn. Anh Đ và chị O có hai con chung là cháu Lý Thị N sinh năm 2006 và cháu Lý Văn C1 sinh năm 2001. Hiện tại hai cháu đến đều đã trưởng thành, chị O không đề nghị giải quyết về con chung. Anh N2 cũng không nắm được anh Đ và chị O có tài sản chung hay nợ chung. Anh Đ vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị để anh về Việt Nam rồi mới giải quyết việc ly hôn với chị O.

Hiện nay anh Đ đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, địa chỉ cụ thể thì anh N2 không nắm được; anh là anh trai thứ ba của anh Đ, khi vợ chồng anh Đ, chị O đi xuất khẩu lao động thì anh N2 chuyển xuống ở nhà của anh Đ và chị O, ở cùng với mẹ đẻ của anh là bà Lý Thị T, sinh năm 1944. Hiện sức khỏe cũng không tốt, mắt nhìn không rõ, tai không nghe rõ. Anh Đ và chị O đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan từ khoảng năm 2018 đến nay, khoảng tháng 6/2024 anh Đ có về Việt Nam thăm gia đình. Còn chị O khoảng 4 năm gần đây không về Việt Nam. Về quan hệ hôn nhân, thì do anh Đ vẫn thường xuyên gọi điện về nên anh N2 có nắm được, anh Đ và chị O có mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống khoảng 03 năm nay, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai.

Về địa chỉ của anh Đ thì anh không nắm được cụ thể hiện nay đang ở đâu, chỉ biết anh Đ sinh sống và làm việc bên Đài Loan. Sau này các văn bản tố tụng của Tòa án đề nghị gửi cho anh và anh sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh Đ biết.

Tại công văn số 1507/QLXNC-Đ1 ngày 11/12/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh T, xác định:

Công dân Lý Văn Đ, sinh ngày 21/06/1980, đã sử dụng hộ chiếu số C1911694 xuất nhập cảnh nhiều lần qua Sân bay quốc tế N, Hà Nội các ngày 15/08/2016; 02/02/2019; 13/02/2019; 04/06/2024; 05/07/2024 (không có địa chỉ nơi đến).

Đối với chị Bàn Thị O qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì chị Bàn Thị O đã được cấp hộ chiếu số C8674715 và đã xuất cảnh ra nước ngoài, hiện nay chị đang sinh sống tại địa chỉ: Số C, ngõ A đường T, phường T, quận Đ, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc).

Do chị Bàn Thị O và anh Lý Văn Đồng Đ1 đang ở nước ngoài và chị O đã gửi đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt và từ chối hòa giải đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thông qua người đại diện theo ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sựnăm 2015, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án; Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Bàn Thị O vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt chị Bàn Thị O.

Đối với anh Lý Văn Đ hiện nay đang cư trú và sinh sống ở nước ngoài, theo như chị O trình bày: Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau và chị O cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ hiện nay ở đâu; theo kết quả xác minh tại gia đình, do anh N2 là anh trai của anh Đ thì hiện nay không biết địa chỉ của anh Đ ở đâu, chỉ biết hiện nay đang sinh sống ở Đài Loan (Trung Quốc) và anh Đ vẫn về Việt Nam, lần gần đây nhất là vào tháng 7/2024, anh Đ vẫn điện thoại về cho gia đình; khi Toà án gửi thông báo thụ lý vụ án ly hôn, anh đã thông báo và anh Đ đã biết việc chi O xin ly hôn, nhưng anh không cho biết địa chỉ cụ thể hiện nay ở đâu. Do đó việc anh Lý Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng qua người thân, gia đình anh Lý Văn Đ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lý Văn Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Lý Văn Đ đã được người thân trong gia đình thông báo và được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Chị Bàn Thị O uỷ quyền cho người đại diện giao, nhận văn bản tài liệu chứng cứ và văn bản tố tụng. Vì vậy, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị Bàn Thị O và anh Lý Văn Đ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng của chị Bàn Thị O và anh Lý Văn Đ không hạnh phúc, đã sống ly thân nhiều năm, hiện chị O và anh Đ đang ở nước ngoài không có khả năng đoàn

tụ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 179; các khoản 2,4 Điều 207; các Điều 228, 238, 266, 271, 273, khoản 1 Điều 469, điểm e khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bàn Thị O, xử cho chị Bàn Thị O được ly hôn với anh Lý Văn Đ.

Về con chung: Đối với cháu Lý Văn C1 sinh ngày 04/11/2001 và cháu Lý Thị N sinh ngày 27/12/2006 hiện tại hai cháu đã đủ 18 tuổi, có quyền tự do quyết định cuộc sống cá nhân. Chị Bàn Thị O cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Bàn Thị O xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Chị Bàn Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Bàn Thị O và bị đơn anh Lý Văn Đ là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Bàn Thị O có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; anh Lý Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Hiện tại chị O và anh Đ đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc). Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Bàn Thị O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt *(Đơn khởi kiện, Bản tự khai và các tài liệu chị Bàn Thị O cung cấp cho Tòa án đều có chứng thực, xác nhận của Văn phòng kinh tế, văn hoá Việt Nam tại Đ)*; Bị đơn anh Lý Văn Đ không xác định được địa chỉ cụ thể, Tòa án đã tiến hành thực hiện tống đạt văn bản tố tụng cho

người thân thích và thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao và Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị O:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị O và anh Lý Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, và có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2002 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang theo quy định; đây là hôn nhân hợp pháp. Qua thu thập thông tin, tài liệu xác định chị Bàn Thị O và anh Lý Văn Đ hiện nay đang ở nước ngoài. Căn cứ vào kết quả xác minh đối với anh Lý Văn N2 *(anh trai ruột của anh Lý Văn Đ)* và ông Hoàng Văn N1 *(Phó thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang)* Hội đồng xét xử thấy: Kết quả xác minh phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị O và anh Đ không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được; hiện nay chị O và anh Đ cùng xuất khẩu lao động nhưng mỗi người ở một nơi, không liên lạc, không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau; vợ, chồng và đã sống ly thân nhiều năm nay; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đìnhnăm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bàn Thị O.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị O và anh Đ có hai con chung là cháu Lý Văn C1 sinh ngày 04/11/2001 và cháu Lý Thị N sinh ngày 27/12/2006 hiện tại các cháu đã đủ 18 tuổi, có quyền tự do quyết định cuộc sống cá nhân. Chị Bàn Thị O cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Bàn Thị O xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bàn Thị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lý Văn Đ không phải chịu tiền án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị O, anh Lý Văn Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 179; các khoản 2,4 Điều 207; các Điều 228, 238, 266, 271, 273, khoản 1 Điều 469, điểm e khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bàn Thị O, cho chị Bàn Thị O được ly hôn với anh Lý Văn Đ.

2. Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bàn Thị O phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai số 0003524 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Bàn Thị O đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lý Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị O , anh Lý Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Kim Bình.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Ngọc Thức